



tài píng jiān
太平间

noun · morgue

Example Sentences

Shī tǐ bèi sòng dào le tài píng jiān
尸体被送到了太平间。

The body was taken to the morgue.

Tài píng jiān zài yī yuàn de dì xià shì
太平间在医院的地下室。

The morgue is in the hospital basement.

Tā zài tài píng jiān gōng zuò fù zé chǔ lǐ yí tǐ
他在太平间工作，负责处理遗体。

He works in the morgue, responsible for handling remains.

Trace each character, then write the word on your own.

太	太	太	太	太	太	太								
平	平	平	平	平	平	平	平							
间	间	间	间	间	间	间	间	间	间					